

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2018/HNGĐ-ST.**

Ngày: 16/7/2018.

“V/v : *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Thế Hà.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018, về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trương Minh H, sinh năm 1987; địa chỉ: KP. LT - TT. L - huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị T T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 2 - xã G - huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – Anh Trương Minh H trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trương Minh H và chị Trần Thị T T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào năm 2012. Sau khi kết

hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Thế nhưng, do vợ chồng không cùng quan điểm nên trong cuộc sống không có sự chia sẻ, quan tâm lẫn nhau. Do đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015. Mặc dù, các bên đã nhiều lần cố gắng thay đổi nhằm mục đích tiếp tục chung sống lại với nhau, nhưng vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt hơn. Anh H nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không thể tiếp tục chung sống với chị T được nữa nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm gì với nhau. Hiện nay anh H không còn yêu thương chị T nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- *Về con chung*: Anh H và chị T có 01 người con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 18/5/2013. Tại phiên tòa, anh H đồng ý giao cháu Trương Gia B cho chị T được quyền nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh H không yêu cầu giải quyết.

[2]. Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – Chị Trần Thị T T trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Vào năm 2012 chị Trần Thị T T và anh Trương Minh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh H thường chơi đánh bạc, không chăm lo cho gia đình; từ đó vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Chị T đã nhiều lần khuyên bảo, động viên anh H thay đổi để cuộc sống vợ chồng được hạnh phúc nhưng anh H vẫn không thay đổi tính tình. Vì nguyên nhân này mâu thuẫn vợ chồng ngày càng kéo dài và trầm trọng hơn. Từ tháng 01/2018, anh H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không gặp gỡ hay liên lạc với nhau, không còn quan tâm, chia sẻ cho nhau. Hiện nay, chị T không còn tình cảm gì với anh H nên không muốn tiếp tục chung sống với anh H nữa. Cho nên, chị T đồng ý ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Chị T và anh H có một người con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 18/5/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh H sống với cha mẹ chị T ở thôn 2 - G. Đến tháng 01/2018, anh H về nhà cha mẹ ruột ở thị trấn L, huyện T sinh sống; còn chị T và cháu B sinh sống ở nhà cha mẹ ruột tại xã G, huyện T. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Gia B cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn - anh Trương Minh H cung cấp: 01 giấy chứng minh nhân dân (photo); 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 01 sổ hộ khẩu (photo); 01 giấy khai sinh (đã đối chiếu bản chính).

Trong quá trình tố tụng, vào ngày 22/5/2018 và ngày 11/6/2018, Tòa án đã tiến xác minh tại địa phương xã G về tình trạng quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh H, chị T.

[4]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị T T và anh Trương Minh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã G vào tháng 12/2012. Anh H và chị T đã sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không gặp gỡ hay liên lạc với nhau, không còn quan tâm lẫn nhau. Anh H và chị T không còn tình cảm gì với nhau nên thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị T và anh H có một người con chung tên là Trương Gia B, sinh ngày 18/5/2013. Hiện nay cháu B đang sống ở nhà cha mẹ ruột của chị T tại: Thôn 2 - G. Anh H đồng ý tiếp tục giao Trương Gia B cho chị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 55; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Minh H và chị Trần Thị T T.

Về con chung: Giao cháu Trương Gia B, sinh ngày 18/5/2013 cho chị T nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Anh Trương Minh H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn - Anh Trương Minh H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và giải quyết việc nuôi con; Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[2.] Xét yêu cầu của nguyên đơn - Anh Trương Minh H:

Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Trương Minh H và chị Trần Thị T T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã G vào ngày 06/12/2012. Trong cuộc sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nhận thấy cuộc sống không có hạnh phúc nên anh H, chị T đã sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Thời gian này, các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh H và chị T thừa nhận đều không còn tình cảm gì với nhau và nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên không mong muốn tiếp tục chung sống với nhau. Do đó, anh H và chị T thuận tình ly hôn.

Xét thấy: Sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật. Cho nên, cần ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh H và chị T là phù hợp với quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về con chung:

Anh Trương Minh H và chị Trần Thị T T có một người con chung tên là Trương Gia Bảo, sinh ngày 18/5/2013. Tại phiên tòa anh H đồng ý giao cháu

Trương Gia B cho chị T được quyền nuôi dưỡng. Chị T chấp nhận nuôi cháu Trương Gia B cho đến khi thành niên.

Xét thấy: Trong phần tranh tụng, anh H và chị T đã thỏa thuận giao cháu Trương Gia B, sinh ngày 18/5/2013 cho chị T được quyền trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Cho nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự là phù hợp.

[3]. Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung:

Các bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Cần buộc anh Trương Minh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà Nước là phù hợp với Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 246, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 55; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Trương Minh H và chị Trần Thị T T:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh H và chị Trần Thị T T thuận tình ly hôn.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Trương Minh H và chị Trần Thị T T:

[2]. Về con chung:

Tiếp tục giao chị Trần Thị T T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 18/5/2013 cho đến khi thành niên.

Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc con; chị T không được quyền ngăn.

[3]. Về án phí: Buộc anh Trương Minh H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là: 300.000 đồng mà anh H đã nộp theo biên lai số N.0012471, ngày 15/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh Trương Minh H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án - Ngày 16/7/2018 (**Đã gửi thích quyền kháng cáo**).

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- C.C Thi hành án;
- UBND X.G,
- TT L (thay TB);
- Lưu VP, án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến